

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CAI LẬY  
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 213/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 06/9/2022

V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán chủ tọa phiên tòa:* Ông Lê Văn Giang.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/. Ông Huỳnh Văn Thanh.

2/. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phạm Tiểu Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 06 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 165/2022/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 3 năm 2022 về việc “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 158/2022/QĐST-HNGĐ ngày 31/8/2022 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Bé N, sinh năm 1992 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp A, xã Đ, thành phố N, tỉnh Hậu Giang.

**- Bị đơn:** Anh Nguyễn Văn E, sinh năm 1978 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bé N trình bày:**

Tôi và anh Nguyễn Văn E quen biết nhau, kết hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01 ngày 27/3/2012. Từ năm 2013 đến nay vợ chồng chúng tôi sống không hợp với nhau về lối sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, anh E đi làm đóng góp tiền quá ít không đủ để trang trải cuộc sống gia đình, vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cãi nhau rất nhiều lần, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2013 đến năm 2018 chúng tôi mâu thuẫn nhau rất nhiều lần, tôi cũng dọn ra

nhà trọ khác ở riêng nhiều lần nhưng sau đó hòa giải được. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay mâu thuẫn tiếp tục diễn ra và tôi nhận thấy đời sống chung không thể kéo dài nên quyết định yêu cầu Tòa án cho ly hôn. Tôi và anh E đã sống ly thân từ năm 2018 cho đến nay. Nay tôi yêu cầu được ly hôn với anh E.

Về con chung: Có 01 con chung là cháu Nguyễn Phát T, sinh ngày 01/02/2012. Từ năm 2018 đến nay cháu Tdo anh E trực tiếp nuôi dưỡng nên ly hôn tôi giao cháu Tcho anh E trực tiếp nuôi dưỡng, tôi không cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*- Bị đơn anh Nguyễn Văn E đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Văn E đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến dự phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt, Chị N có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh E, Chị N.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Xét thấy, theo đơn khởi kiện, Chị N yêu cầu được ly hôn với anh E. Chị N, anh E có đăng ký kết hôn hợp pháp nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh E có nơi cư trú tại xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy, Chị N và anh E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 61, quyển số 01 ngày 27/3/2012 nên quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Chị N trình bày mâu thuẫn giữa chị và anh E bắt đầu phát sinh từ năm 2013 do vợ chồng không hợp với nhau về lối sống, mâu thuẫn về kinh tế gia đình, vợ chồng có nhiều xung đột, thường xuyên cãi nhau rất nhiều lần, đời sống hôn nhân không hạnh phúc. Từ năm 2013 đến năm 2018 Chị N và anh E tiếp tục xảy ra mâu thuẫn, ly thân nhau nhiều lần nhưng được gia đình hòa giải nên về sống chung nhà. Tuy nhiên đến năm 2018 thì tiếp tục xảy ra mâu thuẫn và Chị N, anh E sống ly thân đến nay.

Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án Chị N giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện, yêu cầu được ly hôn với anh E. Anh E mặc dù đã được Tòa án tổng đạt

Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng nhưng không có ý kiến gì về nội dung vụ án và vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Trong quá trình chung sống Chị N và anh E đã nhiều lần ly thân nhau sau đó được hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên từ năm 2018 đến nay, anh chị lại tiếp tục ly thân và không liên lạc với nhau, không có giải pháp nào nhằm hàn gắn tình cảm, điều đó chứng tỏ anh E và Chị N đã không còn tha thiết với cuộc sống vợ chồng, mâu thuẫn gia đình đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Do đó yêu cầu ly hôn của Chị N là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Về con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Trong quá trình chung sống, Chị N và anh E có một con chung là cháu Nguyễn Phát T, sinh ngày 01/02/2012. Từ lúc sinh ra đến nay cháu T sinh sống cùng với anh E. Từ lúc Chị N và anh E ly thân đến nay cháu T cũng do anh E trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó để đảm bảo môi trường sống ổn định của cháu T cần tiếp tục giao cháu T cho anh E tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Chị N không cấp dưỡng nuôi con chung và anh E cũng không yêu cầu Chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung và tài sản chung: Chị N và anh E không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị N phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bé N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Bé N được ly hôn với anh Nguyễn Văn E.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phát T, sinh ngày 01/02/2012 cho anh E trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị N chưa phải cấp dưỡng nuôi con chung do anh E chưa yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Bé N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bé N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí Chị N đã nộp theo biên lai thu số 0001927 ngày 24/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Tiền Giang nên Chị N đã thi hành xong án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Bé N và anh Nguyễn Văn E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã M1, huyện C, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Văn Giang**